

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Phi

2. Bà Bùi Tuấn Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Suối T, huyện D, Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Chế Minh T - sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Suối T, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Chế Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Tiên vào năm 2004. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hòa hợp. Ông T thường xuyên chửi mắng, đánh đập bà. Bà đã từng nộp đơn ly hôn với ông T nhưng vì con nhỏ, bà cố gắng chịu đựng và rút đơn khởi kiện. Từ tháng 5/2021 đến nay, bà và ông T không còn chung sống với nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn với ông Chế Minh T. Về con chung: có 01 con chung là Chế Minh H – sinh ngày 11/8/2005. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà xác định không có nợ chung với ông T.

Đối với bị đơn ông Chế Minh T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa để làm việc.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Chế Minh T; về con chung: Giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Chế Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Chế Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/11/2016 và được Ủy ban nhân dân xã Suối Tiên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Chế Minh T. Ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà H. Xét vợ chồng bà H đã không còn tình cảm và sống riêng từ tháng 5/2021 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng. Ông T thiếu trách nhiệm và hay uống rượu bia, đánh đập bà H nên Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Chế Minh T là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H, ông T có 01 con chung Chế Minh H – sinh ngày 11/8/2005 hiện đang sống với mẹ. Để đảm bảo việc nuôi dạy, chăm sóc và phát triển bình thường của cháu nên giao cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T vì bà H không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà H xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Chế Minh T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Chế Minh H - sinh ngày 11/8/2005. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Chế Minh T.

Ông T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà H, ông T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007466 ngày 02/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Suối T
(Số 43/2004 ngày 21/12/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Thị Ân

